

Số: /TTr-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 5 năm 2022

**DỰ THẢO**

**TỜ TRÌNH**

**Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định mức thu học phí, các khoản thu dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục từ năm học 2022-2023 trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020; Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Bắc Giang trình Hội đồng nhân dân tỉnh (HĐND) dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Bắc Giang Quy định mức thu học phí, các khoản thu dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục từ năm học 2022-2023 trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, cụ thể như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

**1. Các căn cứ pháp lý**

Căn cứ Điều 99, Luật Giáo dục năm 2019 quy định: “*Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể, các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý nhà nước về giáo dục trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh*”.

Tại Khoản 2 Điều 9, Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (Nghị định số 81) quy định: “*...Hội đồng nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào quy định trên để quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập thuộc thẩm quyền và quyết định việc sắp xếp, phân loại các vùng trên địa bàn để cơ sở giáo dục áp dụng mức thu học phí...*”.

**2. Cơ sở thực tiễn**

Học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập tỉnh Bắc Giang đang thực hiện theo Nghị quyết số 10/2020/NQ-NĐHD ngày 09/7/2020 (Nghị quyết số 10); tuy nhiên, mức thu học phí hiện nay không phù hợp với khung thu học phí theo Nghị định số 81; một số



khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục cần sửa đổi bổ sung như: không còn sử dụng sổ liên lạc giấy; có khoản mới phát sinh (dịch vụ phòng chống dịch bệnh, thiên tai theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền; dịch vụ ứng dụng chuyên đổi số trong phối hợp giữa nhà trường và phụ huynh học sinh, Hỗ trợ thuê máy vi tính học môn Tin học (những nơi chưa đủ máy tính); một số khoản dịch vụ cần chi tiết hơn cho các đối tượng thực hiện như dạy ngoại ngữ đối với trẻ mầm non; bộ đồng phục trẻ mầm non, tiểu học; tổ chức hoạt động giáo dục STEM trong trường phổ thông; tổ chức thi khảo sát, thi thử, luyện kỹ năng làm bài thi theo hình thức kết hợp tự luận và trắc nghiệm.

Từ căn cứ pháp lý và thực tiễn trên, việc lập hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định mức thu học phí, các khoản thu dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục từ năm học 2022 - 2023 trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh (Nghị quyết) là cần thiết.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

### **1. Mục đích**

Tạo cơ sở pháp lý thống nhất, đồng bộ thực hiện các quy định về mức thu học phí; làm cơ sở xác định nguồn ngân sách nhà nước cấp bù cho các đối tượng miễn, giảm học phí.

Đảm bảo thống nhất, dân chủ, công khai, minh bạch công tác thu và quản lý các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh và từng huyện, thành phố; đồng thời, nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác quản lý tài chính, quản lý khoản thu từ người học trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

### **2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết**

Nội dung Nghị quyết không trái với các văn bản quy phạm pháp luật cấp trên; đảm bảo đúng quy định tại Luật Giáo dục năm 2019 và Nghị định số 81; quá trình xây dựng Nghị quyết đã nghiên cứu mức thu học phí phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của từng vùng; khuyến khích được các mô hình giáo dục phát triển, tạo điều kiện thúc đẩy thu hút xã hội hóa đầu tư phát triển các trường mầm non ngoài công lập, đáp ứng nhu cầu của người học, xác định theo lộ trình hàng năm sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho phụ huynh và học sinh; đảm bảo điều kiện để các cơ sở giáo dục phát triển.

Về trình tự, thủ tục đảm bảo theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020 và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

## **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN**

UBND tỉnh đã giao Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) chủ trì xây dựng dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh. Dự thảo Nghị quyết đã tiếp thu ý kiến của Sở Tài chính; UBND các huyện, thành phố; Phòng GD&ĐT các huyện thành phố;



các đơn vị trực thuộc Sở GD&ĐT; được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh theo quy định; Sở Tư pháp thẩm định tại Báo cáo...

UBND tỉnh đã thông qua dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh tại kỳ họp ngày tháng 5 năm 2022.

#### **IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN**

##### **1. Bố cục**

Dự thảo Nghị quyết bố cục theo hình thức quy định trực tiếp gồm 3 Điều:

Điều 1. Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập từ năm học 2022-2023

Điều 2. Quy định mức thu tối đa các khoản thu dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập

Điều 3. Điều khoản thi hành

*(Có dự thảo Nghị quyết kèm theo)*

##### **2. Nội dung cơ bản**

##### ***2.1. Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập từ năm học 2022-2023***

Quy định cụ thể mức thu học phí áp dụng năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 và từ năm 2025-2026 trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

*(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)*

Mức thu học phí theo hình thức học trực tuyến: bằng 80% mức thu trên. Đối với học sinh học trực tuyến từ 13 ngày/tháng trở lên sẽ thu học phí theo hình thức học trực tuyến.

Cơ sở xác định mức thu học phí cụ thể như sau:

Mầm non: Năm học 2022-2023, mức thu học phí bằng trung bình cộng giữa mức sàn và mức trần của Nghị định số 81 và không thấp hơn mức thu hiện hành nhằm khuyến khích phát triển giáo dục ngoài công lập (do hiện nay chênh lệch mức thu học phí trường công lập với trường tư thục đang quá cao); từ năm học 2023-2024 tăng thêm khoảng 7% so với năm học trước.

Tiểu học: Mức thu học phí bằng mức thu của Mầm non; mức thu làm căn cứ để ngân sách nhà nước hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học, học tại trường tư thục ở các địa bàn chưa đủ trường học công lập.

Trung học cơ sở và Trung học phổ thông: thực hiện bằng mức sàn của Nghị định số 81 (do mức thu theo Nghị quyết số 10 đang thấp hơn nhiều lần so với mức sàn của Nghị định số 81, việc xác định bằng mức sàn sẽ không đủ bù phần cắt giảm kinh phí ngân sách nhà nước cấp cho cơ sở giáo dục 2%, nhưng tạo thuận lợi cho học sinh, mức thu không tăng quá cao so với trước; từ năm học 2023-2024 tăng thêm khoảng 7% so với năm học trước; riêng THCS năm học .



## **2.2. Quy định mức thu tối đa các khoản thu dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập**

### 2.2.1. Các khoản thu dịch vụ phục vụ (16 khoản)

#### a) Các khoản thu dịch vụ phục vụ không quy định mức thu (7 khoản)

- Tuyển sinh các cấp (gồm xét tuyển và thi tuyển): Thực hiện theo quy định về Luật Giá, các cơ sở giáo dục thực hiện công bố giá theo hướng dẫn của Bộ Tài chính; quy định danh mục dịch vụ và là khoản thu trong nhà trường

- Điện sử dụng điều hòa, bình nóng lạnh: Thực hiện theo số lượng thực tế và đơn giá của đơn vị cung cấp điện;

- Đưa đón học sinh: căn cứ nhu cầu của cha mẹ học sinh và thu theo thoả thuận;

- Cung ứng sách giáo khoa: căn cứ giá bìa sách giáo khoa và nhu cầu của phụ huynh;

- Dịch vụ phòng chống dịch bệnh, thiên tai theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền;

- Sắt hạch và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin: Thực hiện theo quy định về Luật Giá, các cơ sở giáo dục thực hiện công bố giá theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

- Tiền ăn bán trú.

#### b) Các khoản thu dịch vụ phục vụ quy định mức thu (9 khoản)

- Trông giữ xe;

- Ăn, ở bán trú;

- Dạy thêm (gồm dạy thêm các môn văn hóa; dạy học kỹ năng sống, nghệ thuật, thể dục thể thao, ngoại ngữ, tin học; dạy ngoại ngữ giáo viên người nước ngoài);

- Dạy Ngoại ngữ tự chọn lớp 1, lớp 2;

- Dạy Ngoại ngữ đối với trẻ mầm non;

- Nhà ở ký túc xá (trừ các trường PT DTNT và PTDT BT THCS; trường có nhà ở cho học sinh hưởng chế độ theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ )

- Đồng phục;

- Hoạt động trải nghiệm ngoài chương trình chính khoá của nhà trường; tổ chức hoạt động giáo dục STEM trong trường phổ thông.

- Dịch vụ ứng dụng chuyển đổi số trong phối hợp giữa nhà trường và phụ huynh học sinh.

### 2.2.2. Các khoản thu hỗ trợ hoạt động giáo dục (8 khoản)

- Vệ sinh trường học;

- Nước uống;

- Tổ chức thi khảo sát, đánh giá năng lực, thi thử, luyện kỹ năng làm bài thi

- Thẻ học sinh;



- Đồ dùng bán trú (Trang bị đầu cấp, trang bị hàng năm);
- Đồ dùng, dụng cụ, tài liệu;
- Hỗ trợ tu sửa cơ sở vật chất, mua thiết bị dạy học;
- Hỗ trợ thuê máy vi tính học môn Tin học (những nơi chưa đủ máy tính)

*(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)*

Với mục tiêu quy định rõ các khoản thu dịch vụ trong nhà trường (các trường không được đặt ra các khoản thu, dịch vụ khác), Nghị quyết quy định Danh mục các khoản dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục được kế thừa Nghị quyết số 10 và điều chỉnh, bổ sung theo tình hình thực tế. Cụ thể theo Nghị quyết số 10, đến nay có khoản thu không thực hiện (sổ liên lạc giấy); có khoản mới phát sinh (dịch vụ phòng chống dịch bệnh, thiên tai theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền; dịch vụ ứng dụng chuyển đổi số trong phối hợp giữa nhà trường và phụ huynh học sinh, Hỗ trợ thuê máy vi tính học môn Tin học (những nơi chưa đủ máy tính); một số khoản dịch vụ cần chi tiết hơn cho các đối tượng thực hiện như dạy ngoại ngữ đối với trẻ mầm non; bộ đồng phục trẻ mầm non, tiểu học; tổ chức hoạt động giáo dục STEM trong trường phổ thông; tổ chức thi khảo sát, thi thử, luyện kỹ năng làm bài thi theo hình thức kết hợp tự luận và trắc nghiệm.

- Mức thu được kế thừa các mức thu đã quy định tại Nghị quyết số 10; một số khoản thu tăng 20% so với mức thu tại Nghị quyết số 10. Theo quy định tại khoản 2, Điều 5 Nghị định số 81, giá dịch vụ được điều chỉnh theo lộ trình hàng năm tăng không quá 15%, do vậy qua 2 năm từ khi ban hành Nghị quyết số 10 đề xuất mỗi năm tăng 10%.

Mức thu dạy ngoại ngữ của giáo viên người nước ngoài; dạy thêm học thêm môn văn hoá, dạy kỹ năng sống; nghệ thuật, thể dục thể thao; ngoại ngữ, tin học; dạy Ngoại ngữ tự chọn lớp 1, lớp 2 giữ nguyên và quy định dạy thêm theo hình thức trực tuyến thì bằng 90% mức thu so với trực tiếp.

Mức thu tổ chức thi khảo sát, thi thử, luyện kỹ năng làm bài thi: theo hình thức trực tuyến thì bằng 90% mức thu so với trực tiếp.

Các khoản dịch vụ được xác định theo lộ trình tính đúng, tính đủ chi phí nhưng phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của địa phương; các khoản hỗ trợ phù hợp với các hoạt động cần thiết của nhà trường.

Mức thu cụ thể được xác định trên cơ sở thỏa thuận giữa nhà trường với phụ huynh học sinh và được cơ quan quản lý giáo dục (theo phân cấp) thẩm định trước khi thực hiện.

#### **V. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN**

Các đơn vị, sở ngành đã thống nhất nội dung của dự thảo Nghị quyết, không có vấn đề xin ý kiến.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Bắc Giang quy định mức thu học phí, các khoản thu dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục

từ năm học 2022-2023 trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

*Xin gửi tài liệu kèm theo: (1) Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh; (2) Báo cáo thẩm định dự thảo Nghị quyết của Sở Tư pháp; (3) Báo cáo thẩm định của Đảng đoàn HĐND tỉnh; (4) Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về một số nội dung Nghị quyết trình HĐND tỉnh sau phiên họp tháng /2022./.*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh:
  - + LĐVP, TKCT, KGVX, TH;
  - + Lưu: VT, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lê Ánh Dương**



## Phụ lục 1

### MỨC THU HỌC PHÍ CỦA CÁC TRƯỜNG MẦM NON, PHỔ THÔNG TỪ NĂM HỌC 2022-2023

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND tỉnh Bắc Giang)

Đơn vị: nghìn đồng/học sinh/tháng

TT	Nội dung	Mức tối đa theo Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND	Khung thu học phí theo Nghị định số 81	Cơ sở tính mức thu mới	Đề xuất mức thu năm học 2022-2023	Đề xuất mức thu năm học 2023-2024	Đề xuất mức thu năm học 2024-2025	Đề xuất mức thu năm học 2025-2026	Chênh lệch NH 2022-2023 so với Nghị quyết 10	Tỷ lệ % tăng
<b>I</b>	<b>Học phí mầm non, tiểu học</b>									
1	Thành thị	180	300-540	Năm học 2022-2023, mức thu học phí bằng trung bình cộng giữa mức sàn và mức trần của Nghị định số 81 và không thấp hơn mức hiện hành; từ năm học 2023-2024 tăng thêm khoảng 7% so với năm học trước	420	450	480	515	240	133,3
2	Nông thôn	125	100-220		160	170	180	190	35	28,0
3	Vùng dân tộc thiểu số và miền núi	90	50-110		90	95	100	110	0	0,0
<b>II</b>	<b>Học phí THCS (bao gồm cả bổ túc Trung học cơ sở)</b>									
1	Thành thị	85	300-650	Năm học 2022-2023, mức thu học phí bằng mức sàn của Nghị định số 81 số; từ năm học 2023-2024 tăng thêm khoảng 7% so với năm học trước	300	320	340	0	215	252,9
2	Nông thôn	60	100-270		100	105	110	0	40	66,7
3	Vùng dân tộc thiểu số và miền núi	40	50-170		50	55	60	0	10	25,0
<b>III</b>	<b>Học phí THPT (bao gồm cả GDTX cấp THPT)</b>									
1	Thành thị	90	300-650	Năm học 2022-2023, mức thu học phí bằng mức sàn của Nghị định số 81; từ năm học 2023-2024 tăng thêm khoảng 7% so với năm học trước	300	320	340	360	210	233,3
2	Nông thôn	65	200-330		200	215	230	240	135	207,7
3	Vùng dân tộc thiểu số và miền núi	45	100-220		100	105	110	115	55	122,2

**Phụ lục 2**

**DANH MỤC CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ VÀ HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC**

*(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND tỉnh Bắc Giang)*

*Đơn vị: nghìn đồng*

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức tối đa theo Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND	Đề xuất mức thu tối đa từ năm học 2022-2023	Chênh lệch tăng	Tỷ lệ % tăng	Ghi chú	Thuyết minh
<b>A</b>	<b>CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ</b>							
<b>I</b>	<b>Các khoản thu dịch vụ phục vụ không quy định mức thu</b>							
1	Dịch vụ tuyển sinh các cấp							
	- Xét tuyển	Học sinh/đợt xét	23	Theo công bố giá dịch vụ hàng năm của đơn vị				
	- Thi tuyển sinh	Học sinh/kỳ thi	170					
2	Điện sử dụng điều hòa, bình nóng lạnh	Học sinh/tháng	Theo thực tế	Theo thực tế				
3	Đưa đón học sinh	Học sinh/tháng	Theo thực tế	Theo thực tế				
4	Cung ứng sách giáo khoa	Học sinh/năm học	Giá sách theo giá bìa	Giá sách theo giá bìa				
5	Dịch vụ phòng chống dịch bệnh, thiên tai theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền	Học sinh/năm học		Theo thực tế				
6	Sát hạch và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin	Học sinh/kỳ thi	200	Theo công bố giá dịch vụ hàng năm của đơn vị				
7	Tiền ăn bán trú	Học sinh/ngày	25	Theo thực tế				
<b>II</b>	<b>Các khoản thu dịch vụ phục vụ quy định mức thu</b>							
1	Trông giữ xe:							
	- Xe đạp, xe đạp điện	Xe/tháng	15	15	-	-		
	- Xe máy điện, xe máy	Xe/tháng	40	40	-	-		



TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức tối đa theo Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND	Đề xuất mức thu tối đa từ năm học 2022-2023	Chênh lệch tăng	Tỷ lệ % tăng	Ghi chú	Thuyết minh
	- Ô tô	Xe/buổi	5	5	-	-		
2	Ăn, ở bán trú:							
	- Thuê người nấu ăn, phục vụ	Học sinh/tháng	100	130	20	20		
	- Quản lý học sinh ăn ở bán trú	Học sinh/tháng	140	160	20	14		
3	Dạy thêm theo hình thức trực tiếp:							
	- Dạy thêm các môn văn hóa	tiết/học sinh	10	10	-	-	Dạy thêm theo hình thức trực tuyến bằng 90% theo hình thức trực tiếp	
	- Dạy kỹ năng sống; nghệ thuật; thể dục thể thao; ngoại ngữ, tin học	tiết/học sinh	10	10	-	-		
	- Dạy Ngoại ngữ giáo viên người nước ngoài	tiết/học sinh	30	30	-	-		
4	Dạy Ngoại ngữ tự chọn lớp 1, lớp 2	tiết/học sinh	10	10	-	-		
5	Dạy Ngoại ngữ đối với trẻ mầm non	tiết/trẻ		10				
6	Nhà ở ký túc xá	Học sinh/tháng	150	180	30	20		
7	Đồng phục:	Học sinh/năm học						
	- Áo cộc tay	Chiếc	100	120	20	20		
	- Áo dài tay; áo Đoàn	Chiếc	110	130	20	18		
	- Áo khoác mùa đông	Chiếc	185	220	35	19		
	- Bộ Thể dục thể thao và đồng phục Mầm non, Tiểu học	Bộ	150	180	30	20		
8	Hoạt động trải nghiệm ngoài chương trình chính khóa của nhà trường; Tổ chức hoạt động giáo dục STEM trong trường phổ thông	Học sinh/năm học	300	360	60	20		Tại QĐ 46/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 mục tiêu đến năm 2025 có 50% cơ sở giáo dục từ Tiểu học đến THPT có tổ chức các hoạt động giáo dục STEM và kỹ năng số
9	Dịch vụ ứng dụng chuyển đổi số trong phối hợp giữa nhà trường và phụ huynh học sinh	Học sinh/tháng		20				



TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức tối đa theo Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND	Đề xuất mức thu tối đa từ năm học 2022-2023	Chênh lệch tăng	Tỷ lệ % tăng	Ghi chú	Thuyết minh
<b>B</b>	<b>CÁC KHOẢN HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC</b>							
1	Vệ sinh trường học	Học sinh/tháng	14	17	3	20		
2	Nước uống	Học sinh/tháng	6	7	1	20		
3	Tổ chức thi khảo sát, thi đánh giá năng lực, thi thử, luyện kỹ năng làm bài thi:						Thi theo hình thức trực tuyến bằng 90% theo hình thức trực tiếp	KH 386/KH-UBND ngày 25/12/2020 phân đầu đến năm 2025, học sinh phổ thông kết thúc các cấp học đạt trình độ tiếng Anh tương đương các bậc quy định theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam
	Thi tự luận	Môn thi/lần thi	17	20	3	20		
	Thi trắc nghiệm	Môn thi/lần thi	9	11	2	20		
	Thi kết hợp tự luận và trắc nghiệm	Môn thi/lần thi		15				
4	Thẻ học sinh	Học sinh/năm học	25	30	5	20		
	Đồ dùng bán trú:							
5	- Trang bị đầu cấp	Học sinh/cấp học	375	450	75	20		
	- Trang bị hàng năm	Học sinh/năm học	100	120	20	20		
6	Đồ dùng, dụng cụ, tài liệu	Học sinh/năm học	300	360	60	20		
7	Hỗ trợ tu sửa cơ sở vật chất, mua thiết bị dạy học	Học sinh/năm học	200	240	40	20		
8	Hỗ trợ thuê máy vi tính học môn Tin học (những cơ sở giáo dục chưa đủ máy tính; chỉ áp dụng trong 2 năm học 2022-2023 và 2023-2024)	Học sinh/tháng		15				Năm học 2022-2023 các cơ sở bắt buộc học môn tin, tuy nhiên nhiều trường chưa đủ máy tính để học, nên giải pháp trước mắt là đi thuê)



Số: /2022/NQ-HĐND

Bắc Giang, ngày tháng năm 2022

**DỰ THẢO 1**

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức thu học phí, các khoản thu dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục từ năm học 2022-2023 trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG  
KHÓA ....., KỲ HỌP THỨ ....**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;*

*Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày .... tháng .... năm 2022 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập từ năm học 2022-2023**

Quy định cụ thể mức thu học phí áp dụng từ năm học 2022-2023 trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

*(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)*

Mức thu học phí theo hình thức học trực tuyến: bằng 80% mức thu trên. Học sinh học trực tuyến từ 13 ngày/tháng trở lên sẽ thu học phí theo mức thu hình thức học trực tuyến.



Mức thu học phí của Tiểu học làm căn cứ để ngân sách nhà nước hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học, học tại trường tư thục ở các địa bàn chưa đủ trường học công lập.

**Điều 2. Quy định mức thu tối đa các khoản thu dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập**

1. Các khoản thu dịch vụ phục vụ
2. Các khoản thu hỗ trợ hoạt động giáo dục  
(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

**Điều 3. Điều khoản thi hành**

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cơ chế thu, sử dụng các khoản thu dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập và tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang khoá XIX, kỳ họp thứ ..... thông qua ngày .... tháng ... năm 2022 và có hiệu lực từ ngày... tháng ... năm 2022./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Giang;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị- xã hội tỉnh;
- Các cơ quan, ban, ngành thuộc Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- TT Huyện ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Thông tin Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

**Lê Thị Thu Hồng**



**Phụ lục I**  
**MỨC THU HỌC PHÍ CÁC TRƯỜNG MẦM NON, PHỔ THÔNG CÔNG LẬP**  
**TỈNH BẮC GIANG TỪ NĂM HỌC 2022-2023**  
*(Kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND ngày /7/2022 của HĐND tỉnh)*

TT	Nội dung	Mức thu học phí ( nghìn đồng)			
		Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	Từ năm học 2025-2026
<b>I</b>	<b>Học phí mầm non, tiểu học</b>				
1	Thành thị	420	450	480	515
2	Nông thôn	160	170	180	190
3	Vùng dân tộc thiểu số và miền núi	90	95	100	110
<b>II</b>	<b>Học phí Trung học cơ sở (bao gồm cả bổ túc Trung học cơ sở)</b>				
1	Thành thị	300	320	340	0
2	Nông thôn	100	105	110	0
3	Vùng dân tộc thiểu số và miền núi	50	55	60	0
<b>III</b>	<b>Học phí Trung học phổ thông (bao gồm cả GDTX cấp THPT)</b>				
1	Thành thị	300	320	340	360
2	Nông thôn	200	215	230	240
3	Vùng dân tộc thiểu số và miền núi	100	105	110	115



**Phụ lục II**  
**CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ VÀ HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC**  
*(Kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND ngày /7/2022 của HĐND tỉnh)*

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu (nghìn đồng)
<b>A</b>	<b>CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ</b>		
<b>I</b>	<b>Các khoản thu dịch vụ phục vụ không quy định mức thu</b>		
	Dịch vụ tuyển sinh các cấp		
1	- Xét tuyển	Học sinh/đợt xét	Theo công bố giá dịch vụ hàng năm của đơn vị
	- Thi tuyển sinh	Học sinh/kỳ thi	
2	Điện sử dụng điều hòa, bình nóng lạnh	Học sinh/tháng	Theo thực tế
3	Đưa đón học sinh	Học sinh/tháng	Theo thực tế
4	Cung ứng sách giáo khoa	Học sinh/năm học	Giá sách theo giá bìa
5	Dịch vụ phòng chống dịch bệnh, thiên tai theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền	Học sinh/năm học	Theo thực tế
6	Sát hạch và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin	Học sinh/kỳ thi	Theo công bố giá dịch vụ hàng năm của đơn vị
7	Tiền ăn bán trú	Học sinh/ngày	Theo giá cả lương thực thực phẩm từng học kỳ
<b>II</b>	<b>Các khoản thu dịch vụ phục vụ quy định mức thu</b>		
	Trông giữ xe:		
1	- Xe đạp, xe đạp điện	Xe/tháng	15
	- Xe máy điện, xe máy	Xe/tháng	40
	- Ô tô	Xe/buổi	5
	Ăn, ở bán trú:		
2	- Thuê người nấu ăn, phục vụ	Học sinh/tháng	130
	- Quản lý học sinh ăn ở bán trú	Học sinh/tháng	160
3	Dạy thêm theo hình thức trực tiếp (Dạy thêm theo hình thức trực tuyến bằng 90% theo hình thức trực tiếp):		
	- Dạy thêm các môn văn hóa	tiết/học sinh	10



	- Dạy kỹ năng sống; nghệ thuật; thể dục thể thao; ngoại ngữ, tin học	tiết/học sinh	10
	- Dạy Ngoại ngữ giáo viên người nước ngoài	tiết/học sinh	30
4	Dạy Ngoại ngữ tự chọn lớp 1, lớp 2	tiết/học sinh	10
5	Dạy Ngoại ngữ đối với trẻ mầm non	tiết/trẻ	10
6	Nhà ở ký túc xá	Học sinh/tháng	180
7	Đồng phục:	Học sinh/năm học	
	- Áo cộc tay	Chiếc	120
	- Áo dài tay; áo Đoàn	Chiếc	130
	- Áo khoác mùa đông	Chiếc	220
	- Bộ Thể dục thể thao và đồng phục Mầm non, Tiểu học	Bộ	180
8	Hoạt động trải nghiệm ngoài chương trình chính khoá của nhà trường; Tổ chức hoạt động giáo dục STEM trong trường phổ thông	Học sinh/năm học	360
9	Dịch vụ ứng dụng chuyển đổi số trong phối hợp giữa nhà trường và phụ huynh học sinh	Học sinh/tháng	20
<b>B</b>	<b>CÁC KHOẢN HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC</b>		
1	Vệ sinh trường học	Học sinh/tháng	17
2	Nước uống	Học sinh/tháng	7
3	Tổ chức thi khảo sát, thi đánh giá năng lực, thi thử, luyện kỹ năng làm bài thi (Thi theo hình thức trực tuyến bằng 90% theo hình thức trực tiếp):		
	Thi tự luận	Môn thi/lần thi	20
	Thi trắc nghiệm	Môn thi/lần thi	11
	Thi kết hợp tự luận và trắc nghiệm	Môn thi/lần thi	15
4	Thẻ học sinh	Học sinh/năm học	30
5	Đồ dùng bán trú:		
	- Trang bị đầu cấp	Học sinh/cấp học	450
	- Trang bị hàng năm	Học sinh/năm học	120
6	Đồ dùng, dụng cụ, tài liệu	Học sinh/năm học	360
7	Hỗ trợ tu sửa cơ sở vật chất, mua thiết bị dạy học	Học sinh/năm học	240
8	Hỗ trợ thuê máy vi tính học môn Tin học (những cơ sở giáo dục chưa đủ máy tính; chi áp dụng trong 2 năm học 2022-2023 và 2023-2024)	Học sinh/tháng	15